

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG  
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HN-ST  
Ngày: 29 - 9 - 2020  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà H, đường N, Khóm N, Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long

***- Bị đơn:*** Ông Lưu Hoàng P, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà H, đường Nguyễn Văn L, Khóm 5, Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Bà T và ông Lưu Hoàng P đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01, ngày 14/5/2002 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong tình cảm, không hạnh phúc. Bà T yêu cầu ly hôn ông P.

Bà T và ông P có 02 con chung tên Lưu Hoàng S, sinh ngày 24/5/2000; Lưu Hoàng X, sinh ngày 19/6/2001. Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Bà T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được và giải quyết, xét xử vắng mặt bà T tại phiên tòa sơ thẩm.

*Đối với bị đơn Lưu Hoàng P:* Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông P gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do ông P vắng mặt, không có lý do.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T là người có quyền khởi kiện ông P tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố V. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông P phát sinh do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà T xác định không còn tình cảm nên quyết định ly hôn ông P. Ông P đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà T, ông P không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà T. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn ông P.

[3] Về con chung: Hai con chung tên Lưu Hoàng S, sinh ngày 24/5/2000; Lưu Hoàng X, sinh ngày 19/6/2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Bà T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.**

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lưu Hoàng P ly hôn với nhau.

Con chung: Hai con chung tên Lưu Hoàng S, sinh ngày 24/5/2000; Lưu Hoàng X, sinh ngày 19/6/2001 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

**2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0005568 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên bà Nguyễn Thị Kim T không phải nộp thêm.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND phường T, TPVL: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Vân**

